

Bản án số: 03/2022/LĐ-PT

Ngày: 23-8-2022

V/v “Tranh chấp về đơn phương  
chấm dứt hợp đồng lao động”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Minh  
Ông Trần Văn Mười  
Ông Dương Tuấn Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 23/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLPT-LĐ ngày 18/3/2022, về việc: “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”. Do bản án sơ thẩm số 96/2022/LĐST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1460/2022/QĐ-PT ngày 01/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Trí T, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên hệ: Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty Liên doanh T1;

Trụ sở: Phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cát Thắng A – Tổng Giám đốc; Địa chỉ: Phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Vũ Trí T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Ông T làm việc cho Công ty Liên doanh T1 từ tháng 01/2006 với chức vụ

nhân viên văn phòng hành chính, đến tháng 7/2012 chức vụ Trưởng phòng Tổ chức hành chính.

Ngày 07/5/2014, Công ty ban hành Quyết định số 1/SPFC-QĐ thành lập Ban thanh lý tài sản, nhiệm vụ của Ban thanh lý là tổ chức bán thanh lý tài sản, bàn giao mặt bằng nhà máy chế biến thủy sản ở quận 2 cho nhà nước xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm. Ông là thành viên trong Ban thanh lý tài sản này. Ngày 18/7/2014, Công ty ra Thông báo số 25/SPFC-QĐ chấm dứt hợp đồng lao động với ông vào ngày 19/9/2014. Khi đó ông có góp ý với Tổng giám đốc là Công ty chưa giải thể, tài sản chưa bán thanh lý, mặt bằng ở quận 2 chưa giao cho nhà nước mà Công ty ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động là không đúng theo quy định theo quy định của luật lao động khi chưa thỏa thuận với người lao động.

Ngày 15/9/2014, Công ty ban hành Quyết định số 7/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 30/9/2014. Ông phản ánh việc này đến Hội đồng quản trị phía Việt Nam trong Công ty Liên doanh T1 từ tháng 01/2006 với chức vụ nhân viên văn phòng hành chính, đến thán. Sau đó Công ty tạm ngừng cho người lao động nghỉ việc. Ông có kiến nghị huỷ Quyết định ngày 15/9/2014 nhưng Tổng giám đốc không chấp nhận, lại gia hạn chấm dứt hợp đồng lao động theo mỗi tháng. Cụ thể: Ngày 16/10/2014, Công ty ban hành Quyết định số 9/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 31/10/2014 (ông thấy việc gia hạn này là không đúng); Ngày 10/11/2014, Công ty ban hành Quyết định số 10/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 30/11/2014 (khi đó mọi ý kiến của người lao động trong cuộc họp giao ban của công ty về việc khi nào nhà máy thanh lý xong tài sản bàn giao mặt bằng cho nhà nước thì ông Cát Thắng A trả lời khi thanh lý xong tài sản bàn giao mặt bằng thì cho một số lao động nghỉ việc); Ngày 08/12/2014, Công ty ban hành Quyết định số 41/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 31/12/2014.

Ngày 15/12/2014, ông A (Tổng giám đốc) họp giao ban toàn bộ nhân viên công ty. Ông A có ra lệnh cho ông mang giấy phép sử dụng con dấu và con dấu của Công ty, các loại con dấu khác để kiểm tra. Nhưng khi ông mang đầy đủ các thứ đến thì ông A ra lệnh lập biên bản thu hồi giấy phép sử dụng con dấu và con dấu của Công ty, các loại con dấu khác trước sự chứng kiến của mọi người. Ông A tuyên bố trước mặt mọi người là “cho ông nghỉ việc bắt đầu từ ngày hôm nay, cuối tháng 12 vào lãnh lương”, ông A tiếp tục ra lệnh ông sáng ngày 16/12/2014 bàn giao toàn bộ các giấy tờ pháp lý của công ty cho Tổng giám đốc, các nhân viên còn lại làm việc bình thường.

Do bức xúc nên ngày 16/12/2014, ông lên khiếu nại Hội đồng quản trị phía Việt Nam trong Công ty Liên doanh T1. Khi đó Đồng chủ tịch Hội đồng quản trị trả lời là “Việc này của Ban điều hành công ty, ông A là Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành công ty. Em về nói ông A.”, ông có nói là “Em đã trình bày với ông A Tổng giám đốc rồi, công ty vẫn còn hoạt động chưa tuyên bố giải thể, chưa bán xong tài sản thanh lý, chưa bàn giao mặt bằng cho quận 2, ông là thành viên trong ban thanh lý tài sản tại sao cho ông nghỉ việc?”. Ông A Tổng giám đốc bảo ông “phải chấp hành mệnh lệnh của cấp trên vì ngày

31/12/2014 Công ty bán thanh lý xong tài sản, bàn giao mặt bằng cho quận 2”. Sáng ngày 16/12/2014 không thấy ông vào công ty bàn giao giấy tờ, ông A ra lệnh niêm phong Phòng tổ chức hành chính nơi ông làm việc và ra lệnh cho bảo vệ từ đây trở đi không cho ông vào công ty. Đến 10h00 ông vào công ty thì bảo vệ không cho vào bảo lệnh của Tổng giám đốc trừ khi có mặt của Tổng giám đốc xuống để ông bàn giao giấy tờ. Ngày 19/12/2014, ông mới bàn giao giấy tờ cho Tổng giám đốc. Ngày 06/01/2015, ông mới nhận được Quyết định số 41/QĐ-LDVN, Sổ bảo hiểm xã hội và tiền lương tháng 12/2014. Ông đã 2 lần khiếu nại đến chủ đầu tư của công ty nhưng không nhận được hồi đáp. Đến tháng 3/2015, Công ty mới thanh lý xong tài sản nhà máy ở quận 2 và bàn giao mặt bằng nhà máy cho nhà nước. Do thấy rằng quyền lợi của mình bị xâm phạm, Công ty Liên doanh T1 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, ông yêu cầu Tòa án xử buộc Công ty Liên doanh T1 phải:

- Buộc bị đơn phải trả tiền lương trong thời gian không được làm việc từ 01/01/2015 đến 31/12/2017 (36 tháng lương) với số tiền là 120.960.000 đồng.

- Buộc bị đơn bồi thường 2 tháng tiền lương là 6.720.000 đồng.

- Nguyên đơn xác định xin rút các yêu cầu về việc: buộc bị đơn phải đóng đầy đủ các khoản tiền BHXH, BHYT, BHTN trong thời gian không được làm việc, Công ty phải đóng BHXH từ 01/01/2015 đến 31/12/2017; buộc bị đơn phải trả lại các khoản chênh lệch đóng BHXH mà Công ty không đúng theo bảng lương mà nguyên đơn nhận hàng tháng từ 01/7/2012 đến 31/12/2014;

*Bị đơn Công ty Liên doanh T1 có ông Cát Thắng A đại diện theo pháp luật trình bày:*

Ông Vũ Trí T nguyên là Trưởng phòng tổ chức hành chính được giao nhiệm vụ soạn thảo, đánh máy, in ấn các Thông báo, Quyết định; trình Tổng giám đốc phê duyệt, ký, đóng dấu ban hành và thực hiện. Do đó, ông T đã biết sự việc từ ngày 18/7/2014 là ngày phát hành Thông báo số 25/SPFC-TB. Việc ông T nói ngày 06/01/2015 ông mới nhận được từ Công ty Quyết định số 41/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động là không trung thực và không đúng sự thật vì ông T với tư cách là Trưởng phòng tổ chức hành chính sau khi đóng dấu quyết định này, ông T có trách nhiệm giao cho các bộ phận, đương sự liên quan thực hiện nên ông T tự giao cho ông đề thực hiện. Ông T hoàn toàn biết nội dung Quyết định số 41/QĐ-LDVN từ ngày 08/12/2014. Ông Vũ Trí T khiếu kiện công ty về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Thời gian ông T biết sự việc (Thông báo số 25/SPFC-TB ngày 18/7/2014) đến ngày gửi đơn kiện là 31/12/2015 là quá 1 năm. Đề nghị Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khi xét xử ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Thực tế Công ty Liên doanh T1 chấm dứt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2007. Trong năm 2014, thực hiện bán thanh lý tài sản và tổ chức bàn giao mặt bằng cho UBND Quận 2. Danh sách nhân sự năm 2014 có 6 người gồm 01 Tổng giám đốc, 01 Trưởng phòng tổ chức hành chính, 01 Thủ quỹ kiêm kế toán và 03 nhân viên bảo vệ. Tình hình tài chính của Công ty rất nguy cấp, tiền lương thường xuyên bị trả chậm, có thời gian nợ lương người lao động 6 tháng liên tiếp. Buộc phải bán xe đưa đón Tổng giám đốc để có tiền trả lương. Vay nợ nhiều lần

Tổng công ty Thủy sản Việt Nam và Công đoàn cấp trên để có tiền trả lương, ngày 28 tết Tổng giám đốc đứng tên cá nhân mới vay được tiền trả lương cho người lao động ... Nhân viên kế toán kiêm thủ quỹ phải chuyển sang lao động bán thời gian. Các chi phí tiền lương, tiền điện, nước ... là áp lực rất lớn mà Tổng giám đốc phải lo từng tháng.

Quá trình cho ông T nghỉ việc, Công ty đã ra Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông T trước 45 ngày. Công ty đã giải quyết trợ cấp thôi việc cho ông T theo Điều 48 Bộ luật lao động năm 2012 và đã giải quyết thanh toán hết các khoản nợ người lao động đúng chế độ, thời hạn như tiền lương, trợ cấp thôi việc, Sổ BHXH, hồ sơ cá nhân... Tất cả người lao động trong Công ty Liên doanh T1 (trong đó có ông T) đã được nhận tiền đền bù mất việc làm do UBND Quận 2 thu hồi mặt bằng đất của Công ty, do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 2 thanh toán cho từng cá nhân. Do Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên không đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn.

***Tại Bản án lao động sơ thẩm số 96/2022/LĐST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:***

1. Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Trí T gồm:

- Buộc bị đơn Công ty Liên doanh T1 phải đóng đầy đủ các khoản tiền BHXH, BHYT, BHTN trong thời gian không được làm việc từ 01/01/2015 đến 31/12/2017;

- Buộc bị đơn Công ty Liên doanh T1 phải trả lại các khoản chênh lệch đóng BHXH mà Công ty không đúng theo bảng lương mà nguyên đơn nhận hàng tháng từ 01/7/2012 đến 31/12/2014;

- Buộc bị đơn phải trả tiền lương trong thời gian không được làm việc từ 01/01/2016 đến 31/12/2017 (24 tháng lương).

2. Xác định Công ty Liên doanh T1 không đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với ông Vũ Trí T.

3. Không chấp nhận một phần các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn ông Vũ Trí T gồm:

- Buộc bị đơn Công ty Liên doanh T1 phải trả tiền lương trong thời gian không được làm việc từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 (12 tháng lương) với số tiền là 47.040.000 đồng.

- Buộc bị đơn Công ty Liên doanh T1 bồi thường 2 tháng tiền lương là 6.720.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/02/2022 nguyên đơn ông Vũ Trí T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tuy nhiên ông T xác định lại chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

*Nguyên đơn ông Vũ Trí T trình bày:* Công ty đơn phương chấm dứt hợp

đồng lao động với ông T không đúng quy định pháp luật vì nội dung của Thông báo số 25/SPFC-TB ngày 18/7/2014 không thể hiện căn cứ để Công ty cho ông nghỉ việc, việc Công ty căn cứ vào Quyết định số 5935/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/11/2013 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga để cho ông nghỉ việc là không đúng quy định. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Liên doanh T1 là ông Cát Thăng A trình bày:* Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T, yêu cầu Tòa án giữ nguyên án sơ thẩm, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:** Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, các đương sự tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ các quy định của pháp luật tại điểm c khoản 1 Điều 138, điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định 05/2015/NĐ-CP, Công ty Liên doanh T1 chấm dứt hợp đồng lao động với ông Vũ Trí T vì lý do bất khả kháng là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nguyên đơn, giữ nguyên bản sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

#### **[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:**

**[2.1] Về quan hệ lao động:** Công ty Liên doanh T1 ký Hợp đồng lao động số 195/SPFC-HĐ ngày 01/6/2006, loại hợp đồng lao động có thời hạn từ 01/6/2006 đến 31/12/2006 với ông Vũ Trí T; đến ngày 29/12/2006, tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 195A/SPFC gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng từ 01/01/2007 đến 30/6/2007. Ngày 30/6/2007, tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 195B/SPFC gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng từ 01/7/2007 đến 31/12/2007. Sau đó hai bên không còn ký với nhau bất kỳ hợp đồng lao động hay phụ lục hợp đồng lao động nào. Ông T vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động ngày 31/12/2014. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ lao động giữa hai bên được thực hiện theo loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn là đúng pháp luật.

#### **[2.2] Về quá trình chấm dứt hợp đồng lao động:**

Ngày 18/7/2014, Công ty ra Thông báo số 25/SPFC-QĐ chấm dứt hợp đồng lao động với ông T. Ngày 19/9/2014, Công ty ban hành Quyết định số 7/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông T kể từ ngày 30/9/2014. Ngày 16/10/2014, Công ty ban hành Quyết định số 9/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 31/10/2014; Ngày 10/11/2014, Công ty ban hành

Quyết định số 10/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 30/11/2014; ngày 08/12/2014, Công ty ban hành Quyết định số 41/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 31/12/2014. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định Công ty đã thanh toán ông T đủ các khoản tiền lương, trợ cấp thôi việc, đóng đủ tiền BHXH, BHYT, BHTN tính đến 31/12/2014.

**[2.3] Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, việc bị thu hồi giải tỏa nhà xưởng không phải là lý do bất khả kháng.**

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về thời hạn thông báo để chấm dứt hợp đồng: Ngày 18/7/2014, Công ty đã thông báo cho người lao động chấm dứt hợp đồng vào ngày 30/9/2014, là 60 ngày, nhiều hơn 45 ngày theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012.

- Về lý do chấm dứt hợp đồng lao động: Theo Công văn số 7707/SKHĐT-ĐKKD ngày 07/9/2016 của Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Liên doanh T1 đã hết thời hạn hoạt động từ 31/5/2007. Trong năm 2014, Công ty Liên doanh T1 thực hiện bán thanh lý tài sản và đến tháng 3/2015 đã tổ chức bàn giao mặt bằng nhà xưởng tại đường Trần Nãi, phường An Lợi Đông, Quận 2 cho UBND Quận 2 theo Quyết định số 5935/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xác định đây là lý do bất khả kháng để bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012, điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định 05/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đồng thời, ngày 18/9/2014 ông T có làm đơn đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Công đoàn xem xét cho ông được tiếp tục thời gian công tác cho đến hết năm để đóng BHXH cho tròn năm đúng như tài liệu bị đơn cung cấp tại phiên tòa. Công ty đã gia hạn mỗi tháng một lần, đến 08/12/2014 ban hành Quyết định số 10/QĐ-LDVN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông kể từ ngày 30/11/2014 theo đúng đề nghị của ông T. Như vậy việc gia hạn chấm dứt hợp đồng thực hiện theo đúng đề nghị của người lao động.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Liên doanh T1 không đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với ông Vũ Trí T nên không chấp nhận một phần các yêu khởi kiện còn lại của nguyên đơn ông Vũ Trí T gồm: Buộc bị đơn Công ty Liên doanh T1 phải trả tiền lương trong thời gian không được làm việc từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 (12 tháng lương) với số tiền là 47.040.000 đồng và buộc bị đơn Công ty Liên doanh Thủy sản Việt – Nga Seaprimfico bồi thường 2 tháng tiền lương là 6.720.000 đồng là có cơ sở.

Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không cung cấp những tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho quan điểm kháng cáo của mình ngoài những tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện kiểm

sát đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

**[3] Về án phí lao động phúc thẩm:** Ông T được miễn nộp toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Trí T. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 96/2022/LĐST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Vũ Trí T.

**2.** Án phí lao động phúc thẩm: Ông Vũ Trí T được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (2);
- Lưu: hồ sơ (2), VP (5), 14b (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Đắc Minh**